

NGHỊ QUYẾT

Dự kiến Kế hoạch đầu tư công năm 2021 tỉnh Hà Tĩnh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 17**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019 và Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Xét Báo cáo số 335/BC-UBND ngày 11 tháng 9 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2020 và dự kiến kế hoạch năm 2021; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua dự kiến Kế hoạch đầu tư công năm 2021 tỉnh Hà Tĩnh, với tổng nhu cầu đầu tư vốn ngân sách Nhà nước năm 2021 là **8.867 tỷ đồng**. Bao gồm:

1. Đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương dự kiến 2.510 tỷ đồng; trong đó: Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất là 1.200 tỷ đồng, Vốn đầu tư xây dựng cơ bản tập trung là 1.000 tỷ đồng.

2. Vốn ngân sách Trung ương dự kiến 6.357 tỷ đồng, trong đó:

a) Vốn nước ngoài (ODA): 1.599 tỷ đồng;

b) Vốn các Chương trình mục tiêu quốc gia: 1.046,66 tỷ đồng (Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững là 46,66 tỷ đồng và Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới là 1.000 tỷ đồng);

c) Vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương là 3.712 tỷ đồng, trong đó: Thu hồi vốn ứng trước: 740,646 tỷ đồng; Các dự án triển khai trong

giai đoạn 2016 - 2020 chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025 là 1.921,745 tỷ đồng; Vốn đối ứng các dự án ODA: 349,976 tỷ đồng; Vốn chuẩn bị đầu tư và khởi công mới các dự án quan trọng cấp bách: 699,25 tỷ đồng.

(Có phụ lục danh mục và mức vốn dự kiến kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn chỉnh dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2021 gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính theo đúng quy định; Kịp thời chỉ đạo hoàn thiện thủ tục đầu tư các dự án dự kiến khởi công mới trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư tại kỳ họp gần nhất.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh khóa XVII, Kỳ họp thứ 17 thông qua ngày 14 tháng 9 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu UBTWQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ, Website Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Kiểm toán nhà nước khu vực II;
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội đoàn Hà Tĩnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Trung tâm Thông tin - Công báo - Tin học
- Trang thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Lê Đình Sơn



**Phụ lục 01. ƯỚC TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2020
VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021**

Ban hành kèm Nghị quyết số 228/NQ-HĐND ngày 14/9/2020 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Năm 2020			Dự kiến KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025	Nhu cầu kế hoạch năm 2021	Dự kiến kế hoạch năm 2021	Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân từ 1/1/2020 đến 31/7/2020	Ước giải ngân từ 1/1/2020 đến 31/12/2020				
	TỔNG SỐ	5,422,977	2,459,671	5,422,977	25,829,998	8,867,343	8,867,343	
1	Vốn NSNN	5,422,977	2,459,671	5,422,977	25,829,998	8,867,343	8,867,343	
	<i>Trong đó:</i>							
a)	Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương	2,823,988	1,296,669	2,823,988	7,555,637	2,510,000	2,510,000	
	<i>Trong đó:</i>							
-	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	1,850,000	827,794	1,850,000	6,000,000	1,200,000	1,200,000	
-	Xổ số kiến thiết	10,000	4,354	10,000	50,000	10,000	10,000	
-	Bội chi ngân sách địa phương	341,300	14,521	29,042	1,500,000	300,000	300,000	
b)	Vốn ngân sách trung ương	2,598,989	1,163,002	2,598,989	18,274,361	6,357,343	6,357,343	
-	Vốn trong nước	1,739,189	811,558	1,739,189	14,975,584	4,758,283	4,758,283	
-	Vốn nước ngoài	859,800	351,444	859,800	3,298,777	1,599,060	1,599,060	

**Phụ lục 02. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2020
VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM 2021**

Ban hành kèm Nghị quyết số 228/NQ-HĐND ngày 14/9/2020 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Năng lực thiết kế	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020		Dự kiến KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025		Dự kiến kế hoạch 2021		Ghi chú	
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT								
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: vốn NSTW
	TỔNG SỐ			17.442.800	15.987.115	3.257.628	2.100.744	17.094.091	14.594.091	4.858.307	4.408.307	
A	VỐN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA			-	-	665.488	604.088	8.245.700	5.745.700	1.496.666	1.046.666	
I	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững					32.698	32.698	445.700	445.700	46.666	46.666	
II	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới					632.790	571.390	7.800.000	5.300.000	1.450.000	1.000.000	
B	VỐN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU			17.442.800	15.987.115	2.592.140	1.496.656	8.848.391	8.848.391	3.361.641	3.361.641	
I	THU HỒI VỐN ỨNG TRƯỚC			5.720.506	5.173.504	-	-	740.646	740.646	740.646	740.646	
1	Đường nối QL 1A đến Mỏ sắt Thạch Khê		1969; 14/8/2006 2036; 06/7/2018	601.880	524.818			23.987	23.987	23.987	23.987	
2	Đường ven biển Thạch Khê - Vũng Áng (giai đoạn 1)		2117; 30/7/2008 1809; 18/6/2018	1.047.104	984.244			100.000	100.000	100.000	100.000	
3	Đường trục chính từ trung tâm xã Đức Lạng vào thôn Đồng Quang, Tân Quang		3149; 10/11/2008	18.971	18.971			10.000	10.000	10.000	10.000	
4	Đường biên giới từ Khe Dầu đi Rào Mắc xã Sơn Kim 1		3521; 08/12/2008 16; 07/1/2009	25.900	25.900			7.354	7.354	7.354	7.354	
5	Đường Hà Linh - Phương Mỹ		1603 20/5/2011	71.947	71.947			3.569	3.569	3.569	3.569	
6	Đường liên xã Việt Xuyên - Thạch Ngọc		3861, 28/12/2008	17.355	14.112			2.190	2.190	2.190	2.190	
7	Đường Đức Lâm - Đức Thủy đến trung tâm xã Thái Yên		3272; 19/11/2008	20.467	20.467			7.000	7.000	7.000	7.000	
8	Đường vào trung tâm xã Phú Lộc, huyện Can Lộc		2969; 28/8/2008 3085; 21/9/2011	36.280	32.652			10.000	10.000	10.000	10.000	
9	Đường vào trung tâm xã Thượng Lộc		1352; 15/10/2008	19.795	19.795			7.009	7.009	7.009	7.009	
10	Đường giao thông Sơn Lễ - Sơn Tiến, huyện Hương Sơn		1313; 11/5/2010	14.983	13.000			10.000	10.000	10.000	10.000	

TT	Danh mục dự án	Năng lực thiết kế	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020		Dự kiến KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025		Dự kiến kế hoạch 2021		Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW							
11	Dự án đường trục chính nối các xã Đức Hòa, Đức Yên, Bùi Xá, Đức Nhân, Đức Thủy huyện Đức Thọ		2581; 1/9/2010	74.621	74.621			9.485	9.485	9.485	9.485	
12	Dự án xây dựng nâng cấp đường Tỉnh lộ 27, huyện Thạch Hà		3451; 26/11/2010	139.157	139.157			10.000	10.000	10.000	10.000	
13	Dự án Hợp phần bồi thường hỗ trợ tái định cư Công trình hệ thống thủy lợi Ngân Trươi - Cẩm Trang (giai đoạn 1)		1955; 18/7/2007 1699; 13/6/2012	1.555.347	1.555.347			150.000	150.000	150.000	150.000	
14	Kè bờ sông Ngân Phố đoạn qua xã Sơn Bằng		1459; 23/5/2010	14.991	13.490			6.773	6.773	6.773	6.773	
15	Kè bờ sông Ngân sâu đoạn qua xã Đức Lạc - Đức Hòa, huyện Đức Thọ		3273; 12/11/2010 3745; 11/12/2012	34.748	34.748			14.500	14.500	14.500	14.500	
16	Hồ thượng nguồn sông Trí		1450; 21/7/2005	190.800	190.800			44.318	44.318	44.318	44.318	
17	Đê Cầu Phù đến Cầu Núi, Thành phố Hà Tĩnh		3399; 28/10/2009	67.139	51.500			29.526	29.526	29.526	29.526	
18	Củng cố nâng cấp đê tả Nghiền đoạn qua xã Tùng Lộc (K7+517 đến K5+700)							6.706	6.706	6.706	6.706	
19	Củng cố nâng cấp đê tả Nghiền từ K3+517 đến K5+700		663; 18/3/2009	21.744	21.744			11.843	11.843	11.843	11.843	
20	Đê Kỳ Thọ, Kỳ Anh (đoạn xung yếu từ K0-K3+648,5)		2374; 19/7/2011	164.260	85.000			25.000	25.000	25.000	25.000	
21	Tu bổ, nâng cấp đê biển, đê cửa sông xã Cẩm Trung, huyện Cẩm Xuyên (Km3+00 đến Km6+630)		454; 24/02/2009	126.320	77.186			30.000	30.000	30.000	30.000	
22	Đê cửa sông Phúc - Long - Nhượng kéo dài nối với đê biển Cẩm Nhượng		1605; 04/6/2010 ,	70.751	70.751			35.000	35.000	35.000	35.000	
23	Khu neo đậu trú bão Cửa Nhượng							5.000	5.000	5.000	5.000	
24	Kinh phí đầu tư xây dựng các dự án đường cứu hộ cứu nạn năm 2010			1.237.543	999.246			35.330	35.330	35.330	35.330	
-	Đường giao thông nối từ trung tâm xã Đức Đồng đến thôn Bồng Phúc, xã Đức Lạng		3232; 17/11/2008	18.987	18.987			1.375	1.375	1.375	1.375	
-	Đường cứu hộ, cứu nạn các xã Đức Bồng, Đức Lĩnh, Đức Giang, Ân Phú huyện Vũ Quang		3958; 30/12/2010	143.449	143.449			2.100	2.100	2.100	2.100	
-	Đường giao thông cứu hộ vùng 2, huyện Hương Sơn		1711; 07/6/2019	49.720	49.720			4.560	4.560	4.560	4.560	
-	Đường cứu hộ xã Sơn Lễ							1.580	1.580	1.580	1.580	
-	Đường ứng cứu lũ xã Sơn Diệm, huyện Hương Sơn		1524; 31/5/2010	102.937	102.937			2.688	2.688	2.688	2.688	
-	Đường trục chính nối các xã Đức Hòa - Đức Yên - Bùi xá - Đức Nhân - Đức Thủy		2581; 1/9/2010	74.621	74.621			2.933	2.933	2.933	2.933	
-	Đường cứu hộ, cứu nạn cho nhân dân các xã ven sông huyện Lộc Hà		2460; 26/11/2010	103.683	103.683			4.300	4.300	4.300	4.300	
-	Đường cứu hộ, cứu nạn cho nhân dân các xã ven biển huyện Lộc Hà		3920; 27/12/2010; 3246; 29/10/2014	123.170	123.170			2.037	2.037	2.037	2.037	

TT	Danh mục dự án	Năng lực thiết kế	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020		Dự kiến KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025		Dự kiến kế hoạch 2021		Ghi chú	
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT								
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: vốn NSTW
-	Đường cứu hộ cứu nạn Minh Thanh, thị xã Hồng Lĩnh		3959; 30/12/2010	87.181	87.181			1.430	1.430	1.430	1.430	
-	Đường vào trung tâm các xã Thạch Diên, Nam Hương, Thạch Hương, Thạch Xuân, huyện Thạch Hà		2212; 30/7/2010	169.563	72.500			1.839	1.839	1.839	1.839	
-	Nâng cấp tuyến đường nối Trung Lương - Yên Hồ - Quốc lộ 8A, huyện Đức Thọ		3283; 15/11/2010	69.105	35.000			1.826	1.826	1.826	1.826	
-	Dự án Đường Hòa Duyệt, Rú Nón, Đức Linh, Đức Bông, Đức Hương, Hương Thọ, Cửa Rào huyện Vũ Quang		3395; 23/11/2010	184.997	147.998			4.175	4.175	4.175	4.175	
-	Đường vào trung tâm các xã Ân Phú, Đức Giang huyện Vũ Quang kết hợp cứu hộ cứu nạn trong mùa mưa lũ		3603; 08/12/2010	110.130	40.000			4.029	4.029	4.029	4.029	
-	Đường di dân vùng lũ xã Kỳ Hà							459	459	459	459	
25	Ứng vốn đối ứng các dự án ODA (2013)							59.410	59.410	59.410	59.410	
-	Cải thiện sự tham gia thị trường cho người nghèo							4.500	4.500	4.500	4.500	
-	PT hệ thống thủy lợi quy mô nhỏ cho các xã nghèo							4.000	4.000	4.000	4.000	
-	Nhà máy chế biến phân HC							22.410	22.410	22.410	22.410	
-	Chương trình tín dụng chuyên ngành JICA							5.000	5.000	5.000	5.000	
-	Thoát nước TX Hồng Lĩnh							15.000	15.000	15.000	15.000	
-	Phát triển nông thôn tổng hợp miền trung							5.000	5.000	5.000	5.000	
-	Phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn							3.500	3.500	3.500	3.500	
26	Ứng trước vốn đối ứng các dự án ODA hoàn thành năm 2010							10.330	10.330	10.330	10.330	
-	Cải thiện Môi trường đô thị Miền Trung							2.369	2.369	2.369	2.369	
-	Đường Tỉnh lộ 28							975	975	975	975	
-	Đường giao thông liên xã huyện Lộc Hà							370	370	370	370	
-	Tỉnh lộ 18							120	120	120	120	
-	Đường GT Sơn hoà- Tiến- Trung- Phúc							20	20	20	20	
-	Đường GT liên xã Sơn Trà - Sơn long							600	600	600	600	
-	Hệ thống cấp nước Thị trấn Nghèn							260	260	260	260	
-	Hồ chứa nước khe dốc Trung Lương							168	168	168	168	
-	Nhà máy nước làng nghề Trung Lương							32	32	32	32	
-	Trường dạy nghề Việt Đức GD2							616	616	616	616	
-	PT hệ thống thủy lợi quy mô nhỏ cho các xã nghèo							4.000	4.000	4.000	4.000	
-	Thoát nước TX Hồng Lĩnh							800	800	800	800	
27	Các dự án sửa chữa, đảm bảo an toàn hồ chứa (năm 2013)			148.403	134.008			76.316	76.316	76.316	76.316	
-	Sửa chữa nâng cấp hồ Cây Trâm Kỳ Sơn		3989; 10/12/2013	14.351	14.351			10.727	10.727	10.727	10.727	
-	Sửa chữa nâng cấp hồ Gò Đá Kỳ Thượng		3988; 10/12/2013	14.987	14.987			10.848	10.848	10.848	10.848	
-	Sửa chữa nâng cấp hồ Tân Phong xã Kỳ Giang		4122; 19/12/2013	14.991	14.991			12.742	12.742	12.742	12.742	
-	Sửa chữa nâng cấp hồ Khe Con Họ Võ		33; 06/01/2014	45.472	45.472			14.000	14.000	14.000	14.000	

TT	Danh mục dự án	Năng lực thiết kế	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020		Dự kiến KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025		Dự kiến kế hoạch 2021		Ghi chú	
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT								
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: vốn NSTW
-	Đập miếu lớn xã Thiên Lộc		3665; 20/11/2013	32.395	18.000			14.000	14.000	14.000	14.000	
-	Sửa chữa nâng cấp hồ Cơn Trồi Cơn Song		965; 10/4/2014	26.207	26.207			14.000	14.000	14.000	14.000	
II	CÁC DỰ ÁN THUỘC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2016-2020 CHUYỂN TIẾP SANG GIAI ĐOẠN 2021-2025			5.536.294	4.627.611	2.592.140	1.496.656	1.921.745	1.921.745	1.921.745	1.921.745	
1	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh ĐT.553 đoạn từ Km49+900 - Km74+680 (đường Hồ Chí Minh vào Đồn 575, Bàn Giàng)		790; 31/3/2016	143.376	143.376	17.000	17.000	109.706	109.706	109.706	109.706	
2	Tu bổ, tôn tạo các di tích gốc và xây dựng cơ sở hạ tầng Khu Di tích Quốc gia đặc biệt Đại thi hào Nguyễn Du, tỉnh Hà Tĩnh (giai đoạn 1)		3161; 31/10/2017	170.951	170.951	46.859	30.000	115.960	115.960	115.960	115.960	
3	Đường Lê Duẩn kéo dài đoạn từ đường Nguyễn Xi đến Quốc lộ 1A thành phố Hà Tĩnh		3091, 31/10/2016	135.000	135.000	115.517	107.000	19.483	19.483	19.483	19.483	
4	Dự án đường trục chính vào trung tâm đô thị mới Kỳ Đồng, huyện Kỳ Anh		676/QĐ-UBND, ngày 18/3/2016	409.475	409.475	370.133	360.133	29.165	29.165	29.165	29.165	
5	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông Sơn Long - Chợ Bộng		1557; 14/6/2016 286; 20/01/2017	151.720	151.720	90.952	77.000	38.000	38.000	38.000	38.000	
6	Đường ven biển Xuân Hội - Thạch Khê - Vũng Áng		1758/QĐ-UBND ngày 26/6/2017	1.495.780	850.000	990.000	140.000	232.000	232.000	232.000	232.000	
7	Đường giao thông các xã Hà Linh, Hương Thủy, Hương Giang, Lộc Yên, Hương Đô, Phúc Trạch (đoạn K15+642,72 đến K25+252,86)		2941; 19/10/2016	100.725	90.000	15.000	15.000	75.000	75.000	75.000	75.000	
8	Dự án bảo tồn, nhân giống, khôi phục và phát triển sản xuất cây bưởi Phúc Trạch giai đoạn 2016-2020		2247; 10/8/2017	60.019	60.019	30.000	30.000	28.259	28.259	28.259	28.259	
9	Củng cố, nâng cấp tuyến đê Đồng Môn, thành phố Hà Tĩnh (giai đoạn 2), đoạn từ cầu Cây (K0) đến cầu Hộ Độ (K5+340)		3092; 31/10/2016	115.000	115.000	83.000	65.000	26.361	26.361	26.361	26.361	
10	Tuyến đê biển huyện Nghi Xuân (đoạn K27+00 - K37+411,66), từ xã Cổ Đạm đến đê Đại Đồng xã Cương Gián, huyện Nghi Xuân		3092; 31/10/2016	371.624	371.624	123.699	106.500	195.802	195.802	195.802	195.802	
11	Cải thiện cơ sở hạ tầng cho các xã chịu ảnh hưởng của Dự án khai thác mỏ sắt Thạch Khê, thực hiện đề án phát triển bền vững kinh tế - xã hội các xã chịu ảnh hưởng của Dự án khai thác mỏ sắt Thạch Khê		3140/QĐ-UBND ngày 27/10/2017 (giai đoạn 1) 583/QĐ-UBND ngày 17/02/2020 (điều chỉnh giai đoạn 2)	199.888	140.000	86.635	60.000	80.000	80.000	80.000	80.000	

TT	Danh mục dự án	Năng lực thiết kế	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020		Dự kiến KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025		Dự kiến kế hoạch 2021		Ghi chú	
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT								
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: vốn NSTW
12	Nhà máy nước và hệ thống cấp nước sạch cho nhân dân thị trấn Hương Khê và 8 xã vùng phụ cận thuộc huyện Hương Khê		1092; 09/5/2016	229.465	229.465	137.970	65.523	82.111	82.111	82.111	82.111	
13	Đường giao thông nội vùng và hệ thống cấp nước sinh hoạt tại khu tái định cư vùng thiên tai xã Hà Linh, huyện Hương Khê		2013; 30/6/2020	10.000	10.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	
14	Xử lý sạt lở bờ sông Ngàn Sâu đoạn qua xã Hương Trạch, Hương Đô huyện Hương Khê		200/NQ-HĐND; 24/3/2020	83.500	53.500	5.000	5.000	48.500	48.500	48.500	48.500	
15	Củng cố nâng cấp đê Hữu Phú đoạn từ cầu Cửa Sốt đến núi Nam Giới, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh		3094; 31/10/2016	80.400	80.400	18.700	16.500	53.894	53.894	53.894	53.894	
16	Hạ tầng nuôi trồng thủy sản xã Mai Phụ và Hộ Độ, huyện Lộc Hà		2000; 18/7/2016	61.315	61.315	23.500	10.000	29.464	29.464	29.464	29.464	
17	Xử lý sạt lở bờ sông Ngàn Sâu đoạn qua xã Lộc Yên, huyện Hương Khê		200/NQ-HĐND; 24/3/2020	170.000	120.000	40.000	40.000	80.000	80.000	80.000	80.000	
18	Xử lý sạt lở bờ sông Ngàn Phố, huyện Hương Sơn		200/NQ-HĐND; 24/3/2020	160.000	140.000	30.000	30.000	110.000	110.000	110.000	110.000	
19	Xử lý cấp bách đê Hữu Phú, huyện Thạch Hà đoạn từ K10+00-K15+315		200/NQ-HĐND; 24/3/2020	130.000	100.000	20.000	20.000	80.000	80.000	80.000	80.000	
20	Xử lý cấp bách đê tả Nghèn, huyện Lộc Hà		200/NQ-HĐND; 24/3/2020	182.290	120.000	60.000	60.000	60.000	60.000	60.000	60.000	
21	Dự án âu tránh trú bão cho tàu cá Cửa Khẩu, thị xã Kỳ Anh, Giai đoạn 2		94/HĐND; 29/3/2017	80.000	80.000	-	-	80.000	80.000	80.000	80.000	
22	Đường trục chính từ Quốc lộ 1A đến khu đô thị trung tâm KKT Vũng Áng		1556; 09/6/2017	282.000	282.000	182.188	145.000	75.985	75.985	75.985	75.985	
23	Hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Gia Lách		3147; 30/10/2017	95.000	95.000	60.000	60.000	31.162	31.162	31.162	31.162	
24	Hệ thống thu gom và xử lý nước thải Khu kinh tế Vũng Áng (giai đoạn 1)		3255, 30/10/2014	392.765	392.765	15.000	15.000	55.000	55.000	55.000	55.000	
25	Hạ tầng kỹ thuật khu vực công A, Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Cầu Treo, huyện Hương Sơn		3204; 31/10/2017	164.000	164.000	15.000	15.000	127.893	127.893	127.893	127.893	
26	Hạ tầng khu du lịch biển huyện Lộc Hà		2046; 20/7/2017	62.000	62.000	10.987	2.000	53.000	53.000	53.000	53.000	
III	DỰ ÁN BỐ TRÍ VỐN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ NĂM 2021			3.529.000	3.529.000	-	-	3.529.000	3.529.000	35.000	35.000	
1	Các tuyến đường gom và hệ thống tiêu thoát lũ khu vực đường tránh QL1A đoạn qua thành phố Hà Tĩnh	Đầu tư xây dựng 02 tuyến đường với tổng chiều dài khoảng 32km (mỗi bên khoảng 16km); Quy mô: Bnền=10m, Bmặt=9m.		650.000	650.000			650.000	650.000	5.000	5.000	Việc đầu tư dự án nhằm đầu nối hạ tầng và hệ thống tiêu thoát lũ dọc 2 bên tuyến tránh QL1A đoạn qua thành phố Hà Tĩnh theo đúng quy định của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ; phục vụ việc vận chuyển hàng hóa, phương tiện ra vào của các doanh nghiệp, đáp ứng nhu cầu đất sản xuất, kinh doanh ngày càng tăng tại khu vực phía Tây Thành phố Hà Tĩnh

TT	Danh mục dự án	Năng lực thiết kế	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020		Dự kiến KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025		Dự kiến kế hoạch 2021		Ghi chú	
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT								
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: vốn NSTW
2	Đường vành đai phía Đông, thành phố Hà Tĩnh	Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch có chiều dài khoảng 16,0km; chiều rộng mặt cắt ngang 35m (Bm=14,0m, Bbè=2x 10,5m)		950.000	950.000			950.000	950.000	5.000	5.000	Dự án đầu tư nhằm hoàn thiện hệ thống phòng, chống ngập lụt, đảm bảo an toàn cho người dân thành phố Hà Tĩnh trong mùa mưa bão. Phục vụ các mục tiêu phát triển đô thị, thương mại dịch vụ và du lịch ven sông Rào Cái; giảm áp lực giao thông cho các tuyến đường nội đô, tạo sự kết nối liên vùng phát triển kinh tế, xã hội cho khu vực dân cư phía Nam thành phố với các khu vực phía Đông thành phố và các xã lân cận của các huyện Cẩm Xuyên, Thạch Hà, Lộc Hà
3	Dự án cải tạo, nâng cấp đường tỉnh ĐT.553 đoạn từ Km7+00 - Km28+500 (Thạch Điền - Lộc Yên)	Chiều dài L=21,5km; đường cấp III miền núi với Bnền=9,0m; bề rộng Bmặt=8,0m; bề rộng lề đất Bld=2x0,5m=1,0m	3949/QĐ-UBND ngày 29/12/2010	757.000	757.000			757.000	757.000	5.000	5.000	Việc đầu tư tuyến đường nhằm góp phần hoàn thành đồng bộ tuyến đường ĐT.553 (dài 62,08km); hình thành một trục phát triển mới, kết nối thành phố Hà Tĩnh với huyện Hương Khê, đường Hồ Chí Minh, Đồn biên phòng 575, Bán Giàng và tuyến đường tuần tra biên giới tại mốc N511-1; tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh trên địa bàn
4	Xây dựng trung tâm sản nhi Bệnh viện tỉnh			170.000	170.000			170.000	170.000	5.000	5.000	Bệnh viện Đa khoa tỉnh hiện có 110 giường bệnh về sản, 96 giường bệnh về nhi và 27 giường khoa phụ hỗ trợ sinh sản. Số lượng bệnh nhân thực tế điều trị tại bệnh viện thường xuyên vượt trên 200% công suất; đồng thời, hằng năm có trên 2.000 bệnh nhân phải thực hiện chuyển tuyến. Hiện nay cơ sở vật chất, nhân lực của bệnh viện chưa đáp ứng đủ nhu cầu phục vụ điều trị các bệnh chuyển sâu về nhi khoa như: Nhi tim mạch, nhi hô hấp, nhi thần kinh, nhi thận, ...;
5	Hệ thống tiêu thoát lũ, chống ngập úng khu vực Trung tâm hành chính huyện Kỳ Anh và vùng phụ cận	Nạo vét trục tiêu chính kênh Nhà Lê dài khoảng 19km; Nạo vét các tuyến nhánh và trục tiêu nội vùng khu đô thị Kỳ Đồng với chiều dài khoảng 14km		380.000	380.000			380.000	380.000	5.000	5.000	Địa hình khu vực Trung tâm hành chính huyện Kỳ Anh và vùng phụ cận có dạng lòng máng, hàng năm phải chịu ngập lụt (cả lũ hè thu) trên diện rộng. Hiện trạng tuyến kênh Nhà Lê (trục tiêu chính) là hệ thống kênh đào lâu ngày bị bồi lấp, mặt cắt kênh hẹp, các công trình trên kênh chủ yếu là công trình tạm, ảnh hưởng đến khả năng thoát lũ; cùng với đó, hạ tầng khu trung tâm hành chính huyện mới Kỳ Anh hiện chưa được đầu tư đồng bộ (chưa có hệ thống thoát nước và hạ tầng kỹ thuật) dẫn đến tình trạng ngập úng cục bộ tại khu vực này mỗi khi có mưa lũ
6	Hạ tầng kỹ thuật thiết yếu Trung tâm Logistics tại Khu kinh tế Vũng Áng (giai đoạn 1)	Đầu tư 02 tuyến đường dài 2,02km, quy mô Bnền = 43,5m, Bmặt = 2x15m; các tuyến nhánh dài 1,78km, quy mô Bnền = 27,0m, Bmặt = 15m; Hệ thống cấp, thoát nước, cấp điện,...		352.000	352.000			352.000	352.000	5.000	5.000	Việc đầu tư xây dựng dự án Hạ tầng kỹ thuật thiết yếu Trung tâm Logistics tại Khu kinh tế Vũng Áng, thôn Hải Phong, xã Kỳ Lợi, huyện Kỳ Anh nhằm tạo thuận lợi trong công tác thu hút, kêu gọi đầu tư vào Trung tâm logistics Vũng Áng; tạo thành một mắt xích quan trọng trong chuỗi cung ứng, kết nối cảng Vũng Áng với vùng hậu phương

TT	Danh mục dự án	Năng lực thiết kế	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020		Dự kiến KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025		Dự kiến kế hoạch 2021		Ghi chú	
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT								
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: vốn NSTW
7	Dự án Đường từ Khu công nghiệp đa ngành đi Khu công nghệ cao Khu kinh tế Vũng Áng	Đầu tư 1 tuyến chính L=5,2km, Bn= 30m, Bm= 15m, Bvh=2x7,5m và 02 tuyến nhánh L=4,5km		270.000	270.000			270.000	270.000	5.000	5.000	Tuyến đường kết nối giao thông giữa Khu đô thị Kỳ Trình đến Khu công nghiệp đa ngành và Khu công nghệ cao, hình thành quỹ đất, thu hút các nhà đầu tư vào khu vực theo Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế và Quy hoạch chi tiết xây dựng của khu vực, góp phần vào thúc đẩy sự phát triển của Khu kinh tế Vũng Áng nói riêng và của cả tỉnh nói chung
IV	DỰ ÁN DỰ KIẾN KHỞI CÔNG MỚI NĂM 2021			2.657.000	2.657.000	-	-	2.657.000	2.657.000	664.250	664.250	
1	Trường Cao đẳng Y tế (giai đoạn 2)	Dự án nhóm B, Công trình dân dụng cấp III		80.000	80.000			80.000	80.000	20.000	20.000	Hiện tại, Trường đang tổ chức đào tạo tại 02 cơ sở với tổng số học viên trên 3.000 em. Trong đó, tại Cơ sở 1 nhiều hạng mục hiện đã xuống cấp nghiêm trọng, không đảm bảo điều kiện giảng dạy và học tập; cùng với đó, cơ sở này đã nằm trong kế hoạch di dời (dự kiến đầu tư xây dựng công viên) nhưng chưa thực hiện được do điều kiện cơ sở vật chất tại Cơ sở 2 chưa đảm bảo đủ để tiếp nhận, hoạt động cho cả 02 cơ sở.
2	Đầu tư xây dựng Trường nghề chất lượng cao, Trường Cao đẳng nghề Việt - Đức	Xây dựng nhà học, nhà làm việc 7 tầng, diện tích 3.858m2; Nhà ký túc xá 5 tầng, diện tích 1.612m2 và Nhà xưởng thực hành 3 tầng		90.000	90.000			90.000	90.000	22.500	22.500	Dự án đầu tư nhằm góp phần hoàn thành mục tiêu đưa Trường Cao đẳng Kỹ thuật Việt - Đức Hà Tĩnh trở thành Trường nghề chất lượng cao; nâng cao chất lượng đào tạo, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội trong tình hình mới
3	Dự án cải tạo, nâng cấp đường tỉnh ĐT.553 đoạn từ Km28+500 - Km37+300 (Lộc Yên - Đường Hồ Chí Minh)	Đường cấp III miền núi; dài L=8,8km; Bnền=9,0m; Bmặt=8,0m; Bld=2x0,5m=1,0m	4016/UBND-GT ngày 21/6/2019	266.000	266.000			266.000	266.000	66.500	66.500	Việc đầu tư tuyến đường nhằm góp phần hoàn thành đồng bộ tuyến đường ĐT.553 (dài 62,08km); hình thành một trục phát triển mới, kết nối thành phố Hà Tĩnh với huyện Hương Khê, đường Hồ Chí Minh, Đồn biên phòng 575, Bản Giàng và tuyến đường tuần tra biên giới tại mốc N511-1; tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh trên địa bàn
4	Dự án cải tạo mặt đường, chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật đường Quang Trung đoạn từ đường Nguyễn Huy Lung đến cầu Hộ Độ và bổ sung 01 đơn nguyên cầu Hộ Độ	Cầu BTCT DƯL khổ cầu B=8,0m; chiều dài toàn cầu L=238,0m; nâng cấp đường đô thị L=4,42Km	4032/UBND-GT ngày 21/6/2019	135.000	135.000			135.000	135.000	33.750	33.750	Việc đầu tư dự án nhằm đảm bảo an toàn, lưu thông đồng bộ cho người và phương tiện qua lại giữa Thành phố Hà Tĩnh đến Khu du lịch biển Thạch Bàng và đường Quốc lộ ven biển.

TT	Danh mục dự án	Năng lực thiết kế	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020		Dự kiến KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025		Dự kiến kế hoạch 2021		Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT								
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	
5	Nâng cấp, mở rộng đường tỉnh ĐT.550 đoạn Km0+00 - Km5+700 (cầu Thạch Đồng đi Thạch Hải)	Mở rộng 01 đơn nguyên cầu Thạch Đồng và đầu tư tuyến đường L=5,7Km; Bnền=35,0m; Bmặt=15,0m.		492.000	492.000			492.000	492.000	123.000	123.000	Đây là tuyến đường tỉnh nối liền Khu du lịch biển Thạch Hải với thành phố Hà Tĩnh. Tuy nhiên, hiện nay mới chỉ đạt quy mô đường cấp VI đồng bằng (Bnền=6,50m; Bmặt=5,5m), mặt đường láng nhựa được đầu tư xây dựng từ lâu đã có dấu hiệu hư hỏng, xuống cấp; trong khi đó, lưu lượng tham gia giao thông rất lớn, đặc biệt là trong mùa du lịch biển, nên tiềm ẩn nguy cơ tai nạn, mất an toàn giao thông trên tuyến
6	Dự án nâng cấp, mở rộng đường nối Quốc lộ 1 tại ngã ba Thạch Long đi đường tỉnh ĐT.549	Đường cấp IV đồng bằng; L=6,5km; Bnền=9,0m; Bmặt=8,0m; bề rộng lề đất Bld=2x0,5m=1,0m		204.000	204.000			204.000	204.000	51.000	51.000	Tuyến đường kết nối hạ tầng giao thông giữa huyện Thạch Hà với huyện Lộc Hà; kết nối Quốc lộ 1 với đường tỉnh ĐT.549 và tuyến đường ven biển. Chiều dài tuyến L=6,5Km; điểm đầu giao với QL1 tại Km504+828, thuộc địa phận xã Thạch Long, huyện Thạch Hà; điểm cuối giao đường tỉnh ĐT.549 tại Km5+200, thuộc địa phận xã Thạch Mỹ, huyện Lộc Hà
7	Đường vành đai thị xã Hồng Lĩnh (đoạn từ Quốc lộ 8 đến đường Tiên Sơn)	Đường đô thị dài L=3km, Bn=35m		150.000	150.000			150.000	150.000	37.500	37.500	Dự án thuộc quy hoạch chung thị xã Hồng Lĩnh; tuyến đường đầu tư nhằm mở rộng đô thị Thị xã Hồng Lĩnh về phía tây, kết nối đường Quốc lộ 8 với QL1A qua tuyến đường trục chính thị xã Hồng Lĩnh (đang được đầu tư từ nguồn vốn dự án BIIG2); tạo quỹ đất phục vụ phát triển đô thị và thu hút đầu tư cho thị xã Hồng Lĩnh
8	Đường thị trấn Nghèn - Đồng Lộc	L=10km, đường cấp III, nền 11m, mặt 9m		170.000	170.000			170.000	170.000	42.500	42.500	Việc đầu tư, nâng cấp tuyến đường thị trấn Nghèn - Đồng Lộc nhằm góp phần phát triển các đô thị trấn Can Lộc, Đồng Lộc và các xã vùng phía Tây của huyện Can Lộc; phục vụ nhu cầu đi lại cho người dân và du khách tới Khu di tích Ngã ba Đồng Lộc, Khu du lịch sinh thái Hồ Trại Tiểu,..
9	Đường giao thông liên xã An Hòa Thịnh - Sơn Tiến, huyện Hương Sơn	Đường cấp IV, dài L=12,9km; Bmặt/Bnền=5,5m/7,5m		140.000	140.000			140.000	140.000	35.000	35.000	Tuyến đường đầu tư nhằm kết nối giao thông giữa các xã vùng II đến huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An qua Quốc lộ 8C; thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội, đảm bảo Quốc phòng - An ninh trong khu vực kết hợp cứu hộ cứu nạn cho các xã vùng ngập lụt của huyện Hương Sơn; đồng thời góp phần phát huy và khai thác du lịch tại di tích văn hóa chùa Côn Sơn
10	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Cẩm Thạch - Thạch Hội, huyện Cẩm Xuyên	Đường cấp IV, dài L=16km; Bmặt/Bnền=7m/9m		200.000	200.000			200.000	200.000	50.000	50.000	Dự án đầu tư nhằm nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ xã Cẩm Thạch huyện Cẩm Xuyên đến xã Thạch Hội, huyện Thạch Hà; tạo hướng tiếp cận mới từ Tuyến đường ven biển đến điểm du lịch Hồ Kê Gỗ; đồng thời phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội, cứu hộ, cứu nạn của các xã vùng dự án

TT	Danh mục dự án	Năng lực thiết kế	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020		Dự kiến KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025		Dự kiến kế hoạch 2021		Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMBT								
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	
11	Bệnh viện YHCT giai đoạn 2	Các nhà chức năng khoa Nội - Nhi, Truyền nhiễm, Chống nhiễm khuẩn với Tổng diện tích 2,962m2; thiết bị và phụ trợ...		60.000	60.000			60.000	60.000	15.000	15.000	Dự án đầu tư với mục tiêu đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị cho bệnh viện Y học cổ truyền; nâng cao chất lượng khám bệnh, chữa bệnh, chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân bằng y học cổ truyền, kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại, góp phần giảm tình trạng quá tải các bệnh viện
12	Hạ tầng ngoài hàng rào cụm công nghiệp Thạch Bàng, huyện Lộc Hà (Đường giao thông từ đường TL9 vào CCN, hệ thống cấp điện, nước...)			80.000	80.000			80.000	80.000	20.000	20.000	Cụm công nghiệp Thạch Bàng đã được UBND tỉnh phê duyệt đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng (tỷ lệ 1/2.000) tại Quyết định số 3963/QĐ-UBND ngày 27/12/2018; tuy vậy, hiện nay đường vào Cụm công nghiệp và các hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào khác chưa được xây dựng, gây khó khăn trong việc thu hút đầu tư.
13	Hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp Bắc Cẩm Xuyên			80.000	80.000			80.000	80.000	20.000	20.000	Cụm công nghiệp Bắc Cẩm Xuyên có tổng diện tích gần 55ha, tỷ lệ lấp đầy hơn 70%. Hạ tầng kỹ thuật đã được đầu tư cơ bản theo dự án Hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp Bắc Cẩm Xuyên. Riêng một số hạng mục còn lại chưa được đầu tư đồng bộ, gồm: Hạ tầng khu xử nước thải và đường giao thông với kinh phí khoảng 40 tỷ và Hạ tầng phần mở rộng với diện tích 25 ha với kinh phí khoảng 40 tỷ đồng
14	Hệ thống xử lý nước thải và Mở rộng cụm công nghiệp Thạch Đồng, thành phố Hà Tĩnh			60.000	60.000			60.000	60.000	15.000	15.000	Cụm công nghiệp Thạch Đồng, thành phố Hà Tĩnh hiện đã thu hút được 6 dự án đầu tư. Tuy vậy, hệ thống xử lý nước thải và một số hạ tầng mở rộng chưa được đầu tư, ảnh hưởng đến hoạt động của nhà đầu tư đã đầu tư cũng như việc thu hút thêm các nhà đầu tư khác
15	Dự án Đường vành đai phía Nam Khu kinh tế Vũng Áng	Đầu tư tuyến đường dài L=8,8 km, Bn=30m, Bm=15m, Bvh=2x7,5m		450.000	450.000			450.000	450.000	112.500	112.500	Việc đầu tư xây dựng tuyến đường nhằm phát triển quỹ đất vùng phía Nam Khu kinh tế Vũng Áng và các khu chức năng trong khu vực theo Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế và Quy hoạch chi tiết xây dựng của khu vực khu kinh tế Vũng Áng

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

**Phụ lục 03. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN NƯỚC NGOÀI) NĂM 2020
VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM 2021**

Ban hành kèm Nghị quyết số 228/NQ-HĐND ngày 14/9/2020 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Số quyết định	Quyết định đầu tư							Dự kiến KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025			Dự kiến KH năm 2021			Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMDT						Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		
				Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)					Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (vốn NSTW)		Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (vốn NSTW)	
				Tổng số	Trong đó: vốn NSTW	Tính bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt									
							Tổng số	Trong đó:								
Tổng số	Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại														
	TỔNG SỐ	8.015.557	1.840.329	507.658		6.175.208	4.743.022	1.432.186	3.763.400	381.493	3.298.777	1.949.036	349.976	1.599.060		
A	VỐN NƯỚC NGOÀI KHÔNG GIẢI NGÂN THEO CƠ CHẾ TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC	7.792.379	1.789.786	507.658		6.002.573	4.570.387	1.432.186	3.712.857	330.950	3.298.777	1.898.493	299.433	1.599.060		
I	Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	240.755	23.966	9.667		216.789	216.789	-	240.755	9.667	216.789	99.667	9.667	90.000		
a	Danh mục dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2021															
1	Dự án Cung cấp thiết bị y tế cho Bệnh viện Đa khoa huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh sử dụng vốn vay của Chính phủ Hàn Quốc	762/QĐ-UBND ngày 30/3/2020	76.429	9.667	9.667		66.762	66.762	-	76.429	9.667	66.762	49.667	9.667	40.000	
b	Danh mục dự án khởi công mới năm 2021															
1	Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới YTCS vùng khó khăn (sử dụng vốn vay ADB)	3828/QĐ-BYT ngày 28/8/2019	164.326	14.299			150.027	150.027	164.326		150.027	50.000		50.000		
II	BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	2.341.993	466.714	21.708		1.875.268	1.543.951	331.317	1.293.311	-	1.293.311	425.000	-	425.000	-	
a	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2021															
1	Dự án Phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ tỉnh Hà Tĩnh	319/QĐ-BNN-HTQT ngày 22/2/2012; 2523/QĐ-BNN-HTQT ngày 24/6/2016	120.282	24.044		504 Triệu Yên	96.238	96.238	10.267		10.267	2.000		2.000		

[illegible]

[illegible]

[illegible]

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư								Dự kiến KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025			Dự kiến KH năm 2021			Ghi chú
		Số quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMDT						Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		
				Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)					Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (vốn NSTW)				
														Quy đổi ra tiền Việt		
				Tổng số	Trong đó: vốn NSTW	Tính bằng nguyên tệ	Trong đó:									
							Tổng số	Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại							
	Dự án sống chung với lũ huyện Vũ Quang	3223; 29/10/2018 2381; 16/7/2019	223.178	50.543			172.635	172.635		50.543	50.543		50.543	50.543		

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

